TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1265/2026/QĐST-VHNGĐ.	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/7/2025;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2015/QH13 ngày 19/6/2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án;

Căn cứ hồ sơ vụ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1613/2026/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn";

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/CNKH quyển số 01/2008 ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã L (trước là xã L, huyện Đ), tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1.1. Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1975,

Căn cước công dân: 046075013822.

Thường trú: Tổ D, Ấp E, xã L (trước là: xã L, huyện Đ), tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 290/51/11/1 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1983,

Căn cước công dân: 019183019729.

Thường trú: Tổ D, Ấp E, xã L (trước là: xã L, huyện Đ), tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 290/51/11/1 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L có hai con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 14/02/2009 và Lê Nhật H1, sinh ngày 19/9/2013. Ông L bà M thoả thuận giao trẻ H cho ông L, trẻ H1 cho bà M, không bên nào cấp dưỡng cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

2.2. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0019358 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND KV5 TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND X.La Ngà-Đồng Nai;

- Đương sự;
- Lưu vụ án, VP.

Vũ Thị Thuý Vân